

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 17 - 3 - 2025
V/v: Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 94/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 14/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 02/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Danh C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1964, địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Bích C1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Quốc K, chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng H - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (theo giấy ủy quyền số 24/QĐ-CCTHADS ngày 27/12/2024) có mặt.

2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

3. Bà Thạch Thị Mỹ N, sinh năm 1972;

4. Ông Thạch G, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch G và bà Thạch Thị Mỹ N: Anh Huỳnh Hoàng N1, sinh năm 1993, địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

5. Bà Thái Thị X, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

6. Bà Đinh Thị Kim N2, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

7. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị Mỹ N, ông Thạch G, bà Đinh Thị Kim N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Danh C có người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn B trình bày: Ông Danh C với bà Lê Bích C1 trước đây là vợ chồng, hiện tại đã ly hôn vào ngày 15/6/2020 tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 86/2020/QĐST-HNGĐ. Trong thời kỳ hôn nhân ông Lê Ngọc K1 có tặng cho vợ chồng bà C1 và ông C phần đất ruộng tại thửa 789, tờ bản đồ số 8 diện tích 8.856m², tọa lạc tại ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, không nhớ cụ thể thời gian nào, nhưng cho trước khi ly hôn. Khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà C1 và ông C cùng đi. Nhưng sau đó bà C1 đi một mình vì nghe nói ai đi làm cũng được vì là tài sản cho trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Hiện tại phần đất này Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy đã bán đấu giá cho người mua là vợ chồng ông B và bà Phạm Thị T. Đất bán đấu giá với số tiền 613.108.000 đồng, hiện số tiền này Chi cục thi hành án dân sự huyện V đang tạm giữ. Nay ông Danh C yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, theo đó xác định ông C được nhận số tiền 308.752.200 đồng theo quy định pháp luật. Số tiền còn lại bà C1 được chia đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy tiếp tục xem xét xử lý nghĩa vụ thi hành án đối với bà C1 theo quy định ông C không có ý kiến gì.

Bị đơn bà Lê Bích C1 trình bày: Bà C1 thừa nhận phần đất trên là có nguồn gốc từ anh ruột là Lê Ngọc K1 tặng cho chung hai vợ chồng, nay bà C1 đồng ý chia số tiền bán phần đất trên theo đúng quy định, ngoài ra bà C1 không có ý kiến gì thêm và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang có đại diện ông Hà Quốc K trình bày: Trước đây Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy có nhận được 03 đơn yêu cầu thi hành án của 03 bản án (cụ thể của bà Đinh Thị Kim N2; bà Thái Thị X; bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G). Khi đó cơ quan thi hành án dân sự huyện đã ra quyết định thi hành án. Đồng thời phân công cho chấp hành viên tổ chức thi hành, chấp hành viên đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật, tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của người có nghĩa vụ thi hành án là bà Lê Bích C1, xác định bà C1 có tài sản là nhà và quyền sử dụng đất. Cơ quan thi hành án không có tổ chức bán đấu giá mà cho các bên đương sự thỏa thuận để thi hành trên cơ sở đó có người mua tài sản, đối với phần đất ruộng thửa 789 các đương sự bán cho vợ chồng ông B, bà T số tiền 613.108.000 đồng, không nhớ chính xác, nhưng số tiền này đã thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho bà C1 hết số tiền 306.554.000 đồng, hiện còn lại số tiền 308.752.200 đồng Cơ quan Thi hành án đang gửi tiết kiệm (ngoài ra còn một số tiền lãi do gửi tiết kiệm gần 01 năm nay). Sau khi Tòa án xét xử số tiền trên như thế nào thì cơ quan Thi hành án dân sự sẽ tiếp tục xử lý số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn B, bà Phạm Thị T thống nhất trình bày: Theo quy định thì cho người nhà được quyền ưu tiên mua tài sản khi mà đưa ra bán đấu giá để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Trên cơ sở đó, thì vợ chồng ông B đứng ra thỏa thuận mua lại miếng đất ruộng thửa 789, diện tích 8.856m² loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 08 mang tên Lê Bích C1, với số tiền 613.108.000 đồng, vợ chồng ông B đã giao đủ tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang và nhận đất canh tác cho đến nay. Ông B khẳng định rằng phần đất này là do con trai ông là Lê Ngọc K1 tặng cho chung vợ chồng ông C và bà C1 trong thời kỳ hôn nhân. Ông B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phân chia tài sản chung để cho ông Danh C và ông B, bà T có điều kiện nuôi, chăm sóc con cháu.

Bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G cùng thống nhất trình bày: Ông G và bà N có ý kiến không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Danh C xác định đó là tài sản riêng của bà C1, để bà C1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bà Thái Thị X trình bày: Theo bà X được biết thì ông Lê Ngọc K1 cho phần đất là của riêng bà C1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C1 đứng tên, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, đề nghị ông C để lại số tiền trên để cho bà C1 trả nợ, vì ông C biết rõ số nợ của bà C1 nên cùng có nghĩa vụ với bà C1 trả nợ.

Bà Đinh Thị Kim N3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến, không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Danh C đối với bị đơn Lê Bích C1.

Công nhận và chia cho nguyên đơn D Cuối số tiền 308.752.200 đồng (số tiền này đang tạm giữ tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận số tiền lãi (lợi tức) phát sinh từ việc gửi tiết kiệm. Trong trường hợp không thể thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2024, bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà N và ông G, xác định tài sản tranh chấp là tài sản của bà Lê Bích C1 được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh C.

Ngày 31/7/2024, bà Đinh Thị Kim N2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà, xác định tài sản tranh chấp là tài sản của bà Lê Bích C1 được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Thạch Thị Mỹ N, ông Thạch G

và bà Đinh Thị Kim N2, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2024/HNGĐ-ST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 23/7/2024 đến ngày 30-31/7/2024 ông Thạch G, bà Thạch Thị Mỹ N, bà Đinh Thị Kim N2 kháng cáo bản án là còn trong hạn và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm thụ lý và xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án: Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy đang tổ chức thi hành án, mà người phải thi hành án là bà Lê Bích C1. Chấp hành viên xác minh tài sản của bà C1 để đảm bảo cho các khoản phải thi hành án của bà C1 đối với ông Thạch G, bà Thạch Thị Mỹ N, bà Đinh Thị Kim N2 thì xác định bà C1 đứng tên phần diện tích đất ruộng thửa 789, diện tích 8.856m² loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 08 mang tên bà Lê Bích C1, cơ quan thi hành án cho bà C1 tự nguyện bán để thi hành án. Phần đất này bà Lê Bích C1 bán cho vợ chồng ông B và bà T (cha mẹ ruột bà C1) với số tiền 613.108.000 đồng, vợ chồng ông B đã giao đủ tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang để thi hành án cho ông Thạch G, bà Thạch Thị Mỹ N, bà Đinh Thị Kim N2 thì ông C (chồng bà C1) khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung số tiền đã bán đất 613.108.000 đồng.

[3]. Xét kháng cáo của các đương sự: Ông Thạch G, bà Thạch Thị Mỹ N, bà Đinh Thị Kim N2 kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng: “phần đất đã bán là tài sản riêng của bà C1”. Hội đồng xét xử thấy rằng theo các bản án mà Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang đang thụ lý đã có hiệu lực thi hành thì cá nhân bà C1 phải có nghĩa vụ thi hành án trả các khoản tiền cho ông Thạch G, bà Thạch Thị Mỹ N, bà Đinh Thị Kim N2, nhưng khi bán tài sản là quyền sử dụng đất do bà C1 đứng tên quyền sử dụng được số tiền 613.108.000 đồng thì ông Danh C (chồng bà C1) khởi kiện yêu cầu chia đôi số tiền đã bán đất, ông C cho rằng số tiền bán đất là tài sản chung và cũng đã được bà C1 thừa nhận. Cấp sơ thẩm nhận định phần đất bà C1 đứng tên quyền sử dụng đất đã được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân, nên số tiền bán phần đất này cũng là tài sản chung của ông C với bà C1 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và đã chia số tiền bán đất, công nhận cho ông C được quyền sở hữu số tiền 308.752.200 đồng (số tiền này Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đang quản lý) là chưa có cơ sở, chưa xem xét toàn diện về tài sản. Bởi lẽ, trong hợp đồng tặng cho có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang ngày 21/01/2020 thể hiện tặng cho bà C1, không có giấy tờ nào thể hiện tặng

cho vợ chồng C - Châm và bà C1 cũng được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất đứng tên riêng, hơn nữa tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thì bà C1 và ông C xác định “ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung”. Theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình thì các đương sự có quyền thoả thuận về tài sản riêng thành tài sản chung.

[4]. Tại phiên toà sơ thẩm, ông Lê Ngọc K1 thừa nhận ông có tặng cho hai vợ chồng bà C1 và ông C trong thời kỳ hôn nhân phần đất ruộng tại thửa 789, tờ bản đồ số 8, diện tích 8.856m², tọa lạc tại ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, cho trước khi bà C1, ông C ly hôn. Như vậy, bà C1 và ông C có quyền đưa tài sản riêng vào khối tài sản chung nhưng không vi phạm các Điều 42 và Điều 50 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cấp sơ thẩm xác định tài sản cho trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung và chia theo sự theo yêu cầu của ông C, bà C1 là chưa có cơ sở. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại Điều 42 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bị vô hiệu...khoản 2 Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: nhằm trốn tránh thực hiện các nghĩa vụ trả nợ cho cá nhân, tổ chức”.

Từ những phân tích như nêu trên, có cơ sở xác định số tiền bán đất không phải là tài sản chung của ông C và bà C1, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Thạch G, bà Thạch Thị Mỹ N, bà Đinh Thị Kim N2. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Bà Thạch Thị Mỹ N, ông Thạch G và bà Đinh Thị Kim N2 không phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được Toà án chấp nhận.

[6]. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 33, Điều 40, Điều 42, Điều 50 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Thị Mỹ N, ông Thạch G, bà Đinh Thị Kim N2.

Sửa bản án sơ thẩm số: 94/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Danh C đối với bà Lê Bích C1.

2. Công nhận số tiền 613.108.000 (sáu trăm mười ba triệu một trăm lẻ tám nghìn) đồng là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Bích C1.

3. Số tiền lãi (lợi tức) phát sinh từ việc Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang gửi tiết kiệm thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Bích C1.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Danh C phải chịu 15.438.000 (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn) đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008337 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Ông Danh C phải nộp thêm số tiền 7.738.000 (bảy triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Thạch Thị Mỹ N, ông Thạch G, bà Đinh Thị Kim N2 không phải chịu, mỗi người được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp lần lượt theo các biên lai thu số 0008760, 0008761 cùng lập ngày 30/7/2024 và biên lai thu số 0008762 lập ngày 31/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

6. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 17/3/2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Văn Luông

